

Số: 175 /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 8 năm 2015

## BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2014  
và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2015

### A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2014

#### I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị:

##### 1. Nhận xét chung:

##### 1.1. Những việc đã thực hiện:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã có quan tâm hơn trong tuyên truyền về việc cải thiện Chỉ số PCI và cải cách thủ tục hành chính theo lĩnh vực và địa bàn phụ trách.

- Cụ thể hóa và triển khai Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh giai đoạn 2011-2020 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 13/02/2011, hầu hết các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có báo cáo đã xây dựng và ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước theo giai đoạn và hàng năm. Đồng thời, tăng cường chỉ đạo điều hành cải cách hành chính theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và các Chương trình, Quyết định của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về cải cách hành chính nhà nước.

- Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã thiết lập đường dây nóng, công khai địa chỉ, số điện thoại lãnh đạo các cơ quan, đơn vị mình; kịp thời nắm bắt, xử lý thông tin, giải quyết kịp thời những phản ánh của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Thực hiện rà soát, đơn giản hoá các thủ tục hành chính và tổ chức niêm yết, công khai quy trình, thủ tục hành chính, các hồ sơ mẫu, biểu mẫu của các thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa và các trang thông tin điện tử của đơn vị. Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý, điều hành thông tin các phần mềm công nghệ thông tin.

##### 1.2. Những việc chưa thực hiện tốt:

- Xây dựng mới hoặc rà soát, điều chỉnh quy chế phối hợp công tác nội bộ giữa các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc Sở, ngành, UBND cấp huyện.

- Đến nay, một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn và hàng năm nên thụ động trong việc triển khai các nội dung theo chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh.

- Một số đơn vị chưa nghiêm túc thực hiện việc cung cấp thông tin lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh thông qua Ban biên tập Cổng thông tin điện tử (Sở Thông tin Truyền thông là cơ quan thường trực).

- Việc báo cáo định kỳ hàng quý chưa thực sự được quan tâm.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa ban hành kế hoạch cải thiện Chỉ số PCI cụ thể của cơ quan, địa phương mình, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

## **2. Thực hiện nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị:**

### **2.1. Văn phòng UBND tỉnh:**

- Kịp thời tham mưu, báo cáo UBND tỉnh xử lý các văn bản của các Sở, ngành, địa phương liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và nhà đầu tư, nhất là những kiến nghị về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động, hạn chế để tồn đọng lâu ngày.

### **2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Thực hiện kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Đắk Lắk, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, đơn vị triển khai thực hiện; đồng thời, đưa công thông tin doanh nghiệp và đầu tư vào vận hành, một kênh thông tin quan trọng nhằm cung cấp thông tin về các hoạt động quản lý nhà nước của ngành Kế hoạch và Đầu tư và triển khai hoạt động dịch vụ công của Sở, tổ chức tiếp dân trên mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp và nhà đầu tư tham gia cung cấp và sử dụng thông tin điện tử trên Website.

- Phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh tổ chức buổi gặp mặt doanh nghiệp định kỳ của UBND tỉnh vào tháng 6/2014 và tháng 01/2015, đồng thời trực tiếp hướng dẫn, trả lời và tiếp thu kiến nghị từ phía các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Nắm bắt tiến độ thực hiện và khó khăn, vướng mắc trong công tác chuẩn bị đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án chậm tiến độ. Tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật trong thực hiện dự án đầu tư theo Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2014, qua đó nắm bắt được những vướng mắc trong quá trình triển khai dự án, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh giải quyết khó khăn cho Nhà đầu tư, giúp dự án sớm đi vào hoạt động.

- Thực hiện cung cấp đầy đủ các biểu mẫu hồ sơ đăng ký kinh doanh và hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp đến làm thủ tục. Tiếp tục triển khai rút ngắn thời gian giải quyết thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh từ 05 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc đối với 8 nội dung đăng ký thay đổi (năm 2013 là 8 nội dung), tổng cộng đến nay là 16 nội dung.

### **2.3. Sở Nội vụ:**

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức 02 cuộc khảo sát lấy ý kiến của 2.000 người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công đối với lĩnh vực nông

nghiệp và hiệu quả của dịch vụ một cửa trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực UBND tỉnh, lãnh đạo các địa phương, đơn vị về giải pháp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhằm thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc cung cấp dịch vụ hành chính công.

- Thực hiện Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 11/3/2014 của UBND tỉnh về nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, Sở đã triển khai các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao để duy trì, phát huy các chỉ số thành phần đạt kết quả khá tốt, khắc phục các chỉ số có kết quả thấp.

- Tham mưu tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính đối với 08 Sở, ngành, 04 UBND huyện và 06 UBND xã, phường, thị trấn; kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính đối với 08 cơ quan hành chính nhà nước, kiểm tra, đánh giá việc khai thác và sử dụng hệ thống phần mềm một cửa điện tử tại 50% đơn vị vận hành, bao gồm các huyện: Cư Mgar, Krông Ana, Ea Kar, M'Drắk, Buôn Đôn và Ea H'leo.

- Khảo sát, lắp đặt 02 cụm pano tuyên truyền cải cách hành chính, biên soạn và xuất bản 1.000 cuốn sổ tay Cải cách hành chính để cấp phát cho cơ sở hướng dẫn xây dựng kế hoạch cải cách hành chính, hỗ trợ việc thực hiện, theo dõi đánh giá, báo cáo và khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

#### **2.4. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản: Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định về giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 09/2014/CT-UBND ngày 15/10/2014 về tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của 15 đơn vị hành chính cấp huyện. Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Danh mục các công trình, dự án vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích Quốc gia, công cộng phải thu hồi đất năm 2015, với 1.433 dự án, diện tích 10.147,09ha, với kinh phí khoảng 2.400 tỷ đồng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

- Tham mưu UBND tỉnh giải quyết giao đất cho 27 tổ chức với diện tích 313,77ha; cho 16 tổ chức thuê đất với diện tích 920,13ha; thu hồi đất của 29 tổ chức với diện tích 1.414,33ha; cho phép 19 tổ chức chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp với diện tích 484,4 ha, 02 tổ chức chuyển mục đích sử dụng từ đất phi nông nghiệp không phải đất ở sang đất ở với diện tích 0,24ha.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh. Trong

năm qua, trên địa bàn tỉnh đã cấp được 25.389 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7.310,99 ha, trong đó cấp cho tổ chức với diện tích 357.26 ha/85 giấy, cấp cho hộ gia đình, cá nhân với diện tích 6.953.73 ha/25.304 giấy. Lũy kế kết quả cấp Giấy chứng nhận tính đến ngày 31/10/2014, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã cấp 711.639 Giấy chứng nhận lần đầu với diện tích là: 957.349,81ha/1.042.739ha, đạt tỷ lệ 91,81% diện tích cần cấp; trong đó: cấp cho tổ chức: 600.517,44ha/609.475ha, đạt tỷ lệ: 98,53%; cấp cho hộ gia đình, cá nhân: 356.832,37ha/433.264ha, đạt tỷ lệ 82,36%.

- Đề xuất UBND tỉnh xử lý, hướng dẫn, tháo gỡ những vướng mắc về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho cơ sở, đặc biệt là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án trọng điểm như: Đường Vành đai phía Tây; Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh; Hồ chứa nước Krông Pách thượng, Hồ chứa nước Krông Búk hạ; Dự án đường dây 500 KV đi qua địa bàn các huyện Ea Súp, Buôn Đôn, Cư M'gar; tổ chức thẩm định, phê duyệt 20 phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại các công trình trên địa bàn tỉnh, với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ khoảng 82 tỷ đồng cho 1.898 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng, với diện tích đất bị thu hồi là: 848.439,77m<sup>2</sup>; phê duyệt giá đất ở trung bình của khu vực thu hồi đất để hỗ trợ cho diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; xây dựng bảng giá đất các loại năm 2015.

### **2.5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:**

Nâng cao hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm, khai thác hiệu quả Sàn giao dịch việc làm nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động, trong năm 2014, công tác giải quyết việc làm cho người lao động đạt kết quả như sau:

- Công tác tư vấn - giới thiệu việc làm: Tư vấn việc làm và nghề nghiệp cho 22.899 lượt người; giới thiệu việc làm cho 9.377 lượt, số người có việc làm sau khi giới thiệu là 3.791 người; cung ứng lao động cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh 453 người.

- Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động: Trong năm có 1.104 lượt đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình trong tỉnh đến đăng ký tuyển dụng lao động với tổng nhu cầu tuyển 8.440 vị trí, điều tra thu thập thông tin trên 1.000 đơn vị, doanh nghiệp về cầu lao động; thu thập thông tin qua điện thoại, email, báo đài, internet là trên 568 đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Công tác tổ chức Phiên giao dịch việc làm: Đã tổ chức 13 Phiên giao dịch việc làm, trong đó 11 Phiên định kỳ vào ngày 15 hàng tháng và 02 Phiên lưu động. Kết quả có 146 đơn vị, doanh nghiệp tham gia Phiên giao dịch việc làm với nhu cầu tuyển dụng lao động là: 5.149 người; số lao động đến tham gia tìm việc làm, học nghề là: 8.240 người; số lao động được tuyển dụng trực tiếp và hẹn phỏng vấn là: 2.751 người;

- Tổ chức Phiên giao dịch việc làm lưu động: Phối hợp với Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, các tổ chức đoàn thể tổ chức 05 Phiên giao dịch việc làm lưu động tại các cụm xã phường trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Kết quả: có 39 đơn vị, doanh nghiệp tham gia với nhu cầu tuyển dụng lao động là: 29.195 người; số lao động đến tham gia tìm việc làm, học nghề là: 1.605 người; số lao động được tuyển dụng trực tiếp và hẹn phỏng vấn là: 410 người.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan: xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền dạy nghề, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tại địa phương đặc biệt là chỉ đạo các đài phát thanh cấp xã, phường tăng cường hơn nữa việc đưa tin, bài về công tác dạy và học nghề; đa dạng hình thức tuyên truyền để thông tin được cập nhật đến với người dân tối đa nhất; xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý về dạy nghề ở các cấp và xây dựng kế hoạch, chiến lược sử dụng, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn; chính sách đãi ngộ cho giáo viên dạy nghề hàng năm, giai đoạn 5 năm để tham mưu UBND tỉnh ký hợp đồng với các Trường Đại học sư phạm kỹ thuật uy tín để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề nhằm cung ứng cho các cơ sở dạy nghề của tỉnh nói chung và trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện nói riêng.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các cấp tăng cường hơn nữa việc đưa nội dung, thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật và hiệu quả của việc học và dạy nghề vào nội dung sinh hoạt của các hội, đoàn thể, các cuộc họp tổ dân phố, thôn, buôn tại địa phương nhằm thay đổi mạnh mẽ nhận thức của người dân về học nghề, giúp người dân và chính quyền địa phương hiểu sâu, rộng về học nghề.

## **2.6. Sở Công Thương:**

- Tiến hành đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của Sở theo Bộ chỉ dẫn và thang điểm đánh giá cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác cải cách hành chính với 6 nội dung trọng tâm: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính đều được niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đồng thời thông báo rộng rãi qua Cổng Thông tin điện tử: [socongthuong.daklak.gov.vn](http://socongthuong.daklak.gov.vn) của Sở Công Thương.

- Thực hiện tốt cơ chế một cửa, đảm bảo đúng quy định, thời gian giải quyết từng bước được rút ngắn, nhận đúng, nhận đủ hồ sơ; trong quý IV/2014, đã nhận và xử lý 64 hồ sơ thuộc các lĩnh vực: dầu khí, điện, xúc tiến thương mại, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp, bảo vệ người tiêu dùng.

## **2.7. Sở Giao thông Vận tải:**

- Về công tác cải cách hành chính: tiếp tục thực hiện đề án quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008; tổ chức giải quyết công việc theo hình thức một cửa, đã giải quyết đúng hạn các thủ tục hành chính như cấp giấy phép lái xe (cấp mới: từ 15 ngày xuống còn 10 ngày, đổi: từ 10 ngày xuống còn 8 ngày, cấp lại: 70 ngày); đã thực hiện việc luân chuyển, sử dụng những cán bộ có phẩm chất và năng lực tốt để làm các công việc trực tiếp liên quan đến doanh nghiệp và nhà đầu tư, đặc biệt là tại tổ tiếp nhận và xử lý hồ sơ cấp, đổi giấy phép lái xe.

- Phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quá trình thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với các chủ đầu tư trong lĩnh vực ngành để giảm thời gian tiếp và làm việc của cơ quan, đơn vị; giảm tối đa các cuộc thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp giữa các ngành. Giải quyết kịp thời những kiến nghị, khiếu nại, phản ánh, tố cáo của doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp trong thực thi pháp luật. Tăng cường năng lực thanh tra, phát hiện các hành vi tham nhũng trong đầu tư, trong giải quyết công việc cho doanh nghiệp. Từ đầu năm đến nay giải quyết 5/5 trường hợp đảm bảo đúng quy trình, thời gian.

- Tích cực phối hợp chính quyền địa phương trong công tác giải phóng đền bù các dự án đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14); dự án mở rộng, nâng cấp tỉnh lộ 8, đoạn Km8 - Km13+393, huyện CưM'gar đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, nhà thầu triển khai dự án.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ và giải ngân kịp thời trong xây dựng cơ bản và bảo trì đường bộ nhằm đảm bảo nguồn lực để nhà thầu triển khai các hạng mục công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, qua đó đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển hàng hoá, hành khách; tiết kiệm thời gian vận chuyển, giảm chi phí vận chuyển, giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ cũng đã nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư

### ***2.8. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:***

- Xây dựng kế hoạch cải thiện chỉ số PCI năm 2014 của đơn vị tại Báo cáo số 118/BC-SNN ngày 02/6/2014 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung của tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện việc gửi nhận văn bản hành chính nhà nước bằng địa chỉ Email và OMS của Sở đã cấp; ban hành văn bản quy định về quản lý, sử dụng hộp thư điện tử. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của Sở và các đơn vị trực thuộc Sở. Toàn bộ công chức viên chức trong Sở đã được tham gia tập huấn kiến thức về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008.

- Chỉ đạo rà soát, đánh giá, tham mưu điều chỉnh các quy hoạch, Đề án, Chương trình hành động của ngành Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh. Tham mưu xây dựng Chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện để trình ban hành và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.

- Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và dạy nghề cho lao động nông nghiệp nông thôn, chú trọng liên kết với các trường của Trung ương và địa

phương trong đào tạo lao động; mở rộng hình thức hợp tác giữa cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp sử dụng lao động để đào tạo theo địa chỉ và nhu cầu sử dụng.

- Duy trì thường xuyên công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời thắc mắc khiếu kiện của công dân. Xây dựng cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm mọi phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời công dân. Thiết lập đường dây nóng, công khai địa chỉ, số điện thoại của Lãnh đạo cơ quan, đơn vị để kịp thời nắm bắt, xử lý thông tin, giải quyết những phản ánh của công dân.

### **2.9. Sở Tư pháp:**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản: Chỉ thị triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở; Chỉ thị về việc thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Quyết định ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của hệ thống cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Quyết định ban hành Quy chế phối hợp về giải quyết việc đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đồng thời, tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quyết định sửa đổi về quy trình ban hành văn bản của HĐND, UBND tỉnh; tổng kết Luật Tổ tụng hành chính, đánh giá công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2014; cấp thông tin đánh giá cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực trợ giúp người nghèo, quản lý chất thải nguy hại.

- Bên cạnh đó, đã đề nghị các Sở, ban, ngành liên quan thông nhất kết quả rà soát văn bản QPPL của tỉnh liên quan đến dịch vụ công trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp; thẩm định quy định về TTHC đối với 01 dự thảo Quyết định; kiểm soát chất lượng đối với 03 dự thảo Quyết định công bố TTHC; có ý kiến đối với 01 dự thảo Quyết định công bố bộ TTHC và kết quả rà soát TTHC; phát hành 2.000 đĩa CD-Rom văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành đến hết tháng 8/2014.

- Tiếp tục duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 : 2008 đối với 05 lĩnh vực hoạt động của Sở gồm: Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Hành chính tư pháp, Bổ trợ tư pháp, Văn phòng. Thực hiện việc cập nhật, niêm yết công khai các các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên trang tin điện tử của Sở.

- Tiếp nhận tổng số 808 hồ sơ, đã giải quyết 724 hồ sơ, trong đó: có 654 hồ sơ trả trước thời hạn (*đạt tỷ lệ 90,3%*), 54 hồ sơ trả đúng thời hạn (*đạt tỷ lệ 7,5%*) và 16 hồ sơ trễ hạn (*chiếm tỷ lệ 2,2%*), số hồ sơ còn lại chưa đến ngày trả kết quả.

### **2.10. Sở Y tế:**

- Triển khai cơ chế một cửa: thực hiện Đề án cải cách hành chính theo cơ chế một cửa trong dịch vụ hành chính công (lĩnh vực cấp phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, lĩnh vực Dược) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 12/3/2010. Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả triển khai tại Văn phòng Sở, thực hiện quy trình tiếp nhận, trả kết quả theo đúng quy định.

- Hoàn thành việc xây dựng giao diện mới cho Website Sở Y tế, hiện nay đã đưa vào hoạt động ổn định. Xây dựng kế hoạch triển khai hệ thống giao ban trực tuyến của Ngành y tế.

- Duy trì hoạt động Hệ thống điều hành trực tuyến OMS của VNPT, hệ thống Email của tỉnh Đắk Lắk, duy trì áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008.

### **2.11. Sở Ngoại vụ:**

- Tiếp tục tăng cường và nâng cao chất lượng cải cách hành chính: Thực hiện rà soát, đơn giản hoá các thủ tục hành chính và tổ chức niêm yết, công khai quy trình, thủ tục hành chính, các hồ sơ mẫu, biểu mẫu của các thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa và các trang thông tin điện tử của Sở và các đơn vị trực thuộc. Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý, điều hành thông tin các phần mềm công nghệ thông tin.

- Cải thiện thiết chế pháp lý: Rà soát lại, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành để phát hiện các nội dung chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp với tình hình thực tế và sửa đổi bổ sung; phân công cán bộ phụ trách về công tác pháp chế của đơn vị và các cán bộ tham gia theo dõi kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Nâng cao tính minh bạch và tiếp cận thông tin: Thực hiện công khai các thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, các loại biểu mẫu, hướng dẫn chi tiết các thủ tục hành chính, quy định thời gian giải quyết, các mức phí, lệ phí trên cổng thông tin điện tử của Sở và niêm yết tại cơ quan đúng theo quy định để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính được dễ dàng. Nghiêm túc thực hiện việc cung cấp thông tin đối ngoại; thiết lập đường dây nóng, cập nhật địa chỉ, số điện thoại của Lãnh đạo Sở, các phòng, đơn vị để kịp thời nắm bắt, xử lý thông tin, giải quyết những phản ánh của các tổ chức, cá nhân.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Xây dựng kế hoạch hàng năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Sở; đặc biệt là các lớp bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ dành cho công chức ngoại vụ theo Quyết định số 2375/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại, ngoại ngữ, biên phiên dịch cho công chức ngoại vụ địa phương giai đoạn 2011 - 2015.

### **2.12. Sở Xây dựng:**

- Chỉ số chi phí gia nhập thị trường:



+ Nâng cao tính chuyên nghiệp, năng lực và phẩm chất đội ngũ cán bộ công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Thực hiện tốt, công khai quy trình thủ tục hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực liên quan đến hoạt động xây dựng.

+ Niêm yết công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo hướng hiện đại trong giải quyết thủ tục, cán bộ am hiểu về chuyên môn, nhiệt tình, thân thiện. Duy trì, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động quản lý hành chính.

+ Tăng cường khảo sát ý kiến của tổ chức, cá nhân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công và xử lý kịp thời những kiến nghị, phản ánh đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền.

- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin:

+ Công khai các quy hoạch xã hội hoá để các nhà đầu tư tiếp cận, nghiên cứu cơ hội đầu tư. Hoàn thành quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Nâng cao chất lượng, tăng cường hướng dẫn công tác: Cấp giấy phép quy hoạch; cung cấp thông tin quy hoạch cấp giấy phép xây dựng tạo điều kiện cho các tổ chức, công dân xây dựng đúng quy hoạch xây dựng được duyệt.

+ Xây dựng công khai các quy hoạch chuyên ngành về Nghĩa trang, Chất thải rắn, hệ thống cấp nước để các nhà đầu tư tiếp cận, nghiên cứu cơ hội đầu tư.

+ Rà soát các dự án đầu tư, các dự án đã được cấp Giấy phép xây dựng nhưng có tiến độ triển khai dự án chậm. Xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý dứt điểm những khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư. Kiên quyết tham mưu UBND tỉnh chấm dứt và thu hồi chủ trương đầu tư những dự án chậm triển khai, không có lý do chính đáng và nhà đầu tư không đủ năng lực thực hiện dự án.

+ Cung cấp thông tin năng lực các doanh nghiệp tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh lên trang thông tin điện tử của Sở. Thực hiện đơn giản hoá thủ tục hành chính về số lượng, rút ngắn thời gian so với quy định các thủ tục xét cấp chứng chỉ hành nghề trong hoạt động xây dựng. Thực hiện tốt công tác hậu kiểm năng lực các doanh nghiệp tham gia hoạt động xây dựng hiệu quả hơn, tạo điều kiện để giảm thời gian doanh nghiệp thực hiện các quy định nhà nước.

### **2.13. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:**

- Nâng cao tính minh bạch:

+ Công khai các thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, các loại biểu mẫu, hướng dẫn chi tiết về thủ tục hành chính, quy định thời gian giải quyết, các

mức phí, lệ phí trên công thông tin điện tử, Bộ phận một cửa và bảng thông báo của cơ quan thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính.

+ Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào giải quyết các thủ tục hành chính. Hiện nay, thủ tục hành chính của Sở công khai gồm 107 thủ tục hành chính; trong đó có 48 thủ tục lĩnh vực văn hoá, 26 thủ tục lĩnh vực thể thao, 23 thủ tục lĩnh vực du lịch và 10 thủ tục lĩnh vực gia đình.

+ Công khai địa chỉ, hộp thư điện tử, số điện thoại chuyên dùng để tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Chi phí không chính thức: Công tác tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính tạo nhiều thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc giao dịch hành chính mà không cần phải đến trực tiếp. Cơ chế phối hợp giữa Bộ phận một cửa và các phòng chuyên môn được tăng cường; chú trọng tính hợp lệ, đầy đủ hồ sơ từ khâu tiếp nhận, đảm bảo hồ sơ đã tiếp nhận không bị trả lại. Từ đó, giảm số lần đi lại của các cá nhân, doanh nghiệp đến thực hiện thủ tục hành chính tiết kiệm tối đa chi phí cho doanh nghiệp, cá nhân khi giao dịch hành chính.

- Chi phí thời gian: hầu hết các thủ tục hành chính được thực hiện theo Đề án cải cách hành chính theo cơ chế một cửa của Sở đều được trả sớm hẹn và đúng hẹn, không có trường hợp nào của tổ chức cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị về thời gian xử lý thủ tục hành chính tại đơn vị.

- Thiết chế pháp lý: Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng được tăng cường đối với đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ công chức, các doanh nghiệp và tầng lớp nhân dân. Tăng cường hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của ngành và hoạt động cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ pháp luật. Ban hành Quyết định số 1885/QĐ-SVHTTDL ngày 17/10/2014 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức “Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 2014 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Tiếp tục triển khai các văn bản QPPL của Trung ương đến các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trong toàn ngành để nghiên cứu, phục vụ cho công tác của đơn vị theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành.

#### **2.14. Sở Khoa học và Công nghệ:**

- Công tác tuyên truyền về việc cải thiện chỉ số cạnh tranh và cải cách hành chính công: Xây dựng và ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Sở năm 2014 với mục tiêu góp phần cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.

- Tăng cường chỉ đạo điều hành cải cách hành chính:

+ Đẩy mạnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản liên quan đến công tác cải cách hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

+ Rà soát, đánh giá, cập nhật kịp thời các thủ tục hành chính, tham mưu UBND tỉnh ban hành mới bộ thủ tục hành chính của Sở KH&CN (Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 20/10/2014).

+ Cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao đội ngũ CBCC, VC, trong năm tiến hành rà soát chức năng nhiệm vụ của các phòng, đơn vị, trên cơ sở đó sắp xếp cơ cấu tổ chức phù hợp, thực hiện luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ, củng cố, kiện toàn bộ máy nhằm thực hiện nhiệm vụ ngày càng tốt hơn.

+ Áp dụng phần mềm OMS, sử dụng hệ thống thư điện tử của tỉnh để giao dịch công việc, sử dụng phần mềm chuyên biệt trong quản lý nhân sự của Sở, rà soát, điều chỉnh, nâng cấp trang thông tin điện tử theo hướng dễ truy cập, đơn giản và phong phú hơn.

### **2.15. Ban Quản lý các Khu công nghiệp:**

- Thực hiện thủ tục hành chính: công tác thực hiện các TTHC trong lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận đầu tư và cấp Giấy phép xây dựng luôn đúng theo thời hạn quy định. Cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 02 dự án đầu tư; thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của 01 dự án.

- Giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp: tiếp nhận các vướng mắc của các Doanh nghiệp trong KCN. Ban đã tập hợp ý kiến phản hồi cho Doanh nghiệp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. Đối với các vấn đề không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban thì sẽ tổng hợp ý kiến chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Nâng cao hiệu quả khai thác trang thông tin điện tử: Các thủ tục hành chính, văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư đều được cung cấp đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Ban.

- Về quy chế phối hợp: xây dựng, điều chỉnh quy chế phối hợp công tác nội bộ giữa các phòng chuyên môn trong Ban và các cơ quan thuộc UBND tỉnh để thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong các KCN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Thiết lập đường dây nóng, công khai đại chỉ, số điện thoại lãnh đạo của Ban để kịp thời nắm bắt, xử lý thông tin, giải quyết những phản ánh của nhà đầu tư.

### **2.16. Ủy ban Nhân dân thị xã Buôn Hồ:**

- Công tác cải cách hành chính: xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính năm 2014 trên địa bàn tại Quyết định số 4946/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 và Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 10/5/2013 về việc tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2013-2015. Đồng thời, ban hành Quyết định thành lập Ban điều hành và Nhóm vận hành thực hiện ứng dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo

tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008, việc áp dụng thực hiện theo tiêu chuẩn này đã góp phần giúp các phòng ban, đơn vị và các tổ chức, cá nhân trong liên hệ giao dịch công việc chủ động nắm bắt được trình tự, thủ tục thực hiện hồ sơ, dễ dàng nắm bắt được hồ sơ chưa hoàn thành do vướng ở công đoạn nào, cách thức giải quyết...

- Công tác công bố quy hoạch và quản lý quy hoạch: Trong năm đã hoàn thành 03 quy hoạch phân khu xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt: Các đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/2000 phân khu: Hành chính - dịch vụ, văn hóa - dịch vụ, thương mại dịch vụ. Tiến hành lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thị xã Buôn Hồ trình UBND tỉnh phê duyệt, dự kiến tổ chức công bố, ban hành quy chế vào quý I/2015.

- Về dịch vụ hỗ trợ kinh doanh: Đối với công tác cấp giấy phép kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể, Hợp tác xã, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... đã được thực hiện đúng quy trình, quy định; các thủ tục về lệ phí, hồ sơ, quy trình, thời gian giải quyết đã được niêm yết công khai; các hộ kinh doanh trong quá trình giao dịch, đề nghị được tư vấn về thủ tục, hồ sơ đã được cán bộ phụ trách chuyên môn hướng dẫn nhiệt tình, đầy đủ các thông tin theo yêu cầu. Trong năm 2014, đã cấp mới 206 giấy phép kinh doanh với tổng vốn đăng ký 48,305 tỷ đồng. Cấp đổi giấy phép kinh doanh cho 122 hộ.

- Về tính năng động và tiên phong của lãnh đạo: trong năm 2014, UBND thị xã đã xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2015; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020; bên cạnh đó, đã tổ chức các buổi gặp mặt, làm việc với doanh nghiệp để thông báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, qua đó cũng nắm bắt tình hình hoạt động, các khó khăn, tồn tại cần tháo gỡ, giải đáp các kiến nghị, đề xuất nhằm tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp yên tâm hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Tiếp cận với đất đai: Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm thực hiện. Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 20/11/2014: cấp 4.425 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.172,76 ha, đạt tỷ lệ 101,01% so với kế hoạch giao. Lũy kế đến nay trên toàn thị xã đã cấp 50.584 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 21.388,34/23.169,74 ha đạt tỷ lệ 92,31% diện tích đất cần cấp giấy chứng nhận trên địa bàn thị xã.

### **2.17. Ủy ban Nhân dân huyện Krông Bông:**

- Công tác cải cách hành chính: Tiếp tục thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2008 tại các Phòng, ban chức năng thuộc huyện. Tăng cường chỉ đạo, quán triệt đội ngũ cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị cần thể hiện tính sáng tạo trong xử lý công việc, hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phát triển.

- Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Bộ phận Tiếp nhận và Hoàn trả hồ sơ tại các xã, thị trấn hoạt động ngày càng hiệu quả; 14/14 xã, thị

trần đã thành lập Bộ phận một cửa và ban hành quy chế hoạt động; bố trí Phòng Tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ và trang bị cơ sở vật chất như: Máy vi tính, điện thoại, máy photo, bàn ghế làm việc, ghế ngồi chờ cho tổ chức, công dân, tủ đựng hồ sơ, sổ sách theo dõi việc tiếp nhận hồ sơ...

- Cải cách tài chính công: Chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ở 13/13 các cơ quan hành chính cấp huyện ngày càng phát huy hiệu quả; quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm và có chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức. Toàn huyện có 57/58 đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; hầu hết các đơn vị đều chủ động cân đối thu chi, tiết kiệm kinh phí và chi tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức.

- Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước: Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm chuyên ngành vào công tác quản lý hành chính; hầu hết cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị trong huyện đã có hệ thống máy vi tính và các thiết bị hỗ trợ tin học văn phòng riêng, từ đó góp phần rút ngắn thời gian giải quyết công việc, hiệu quả hoạt động ngày càng được nâng cao.

### **2.18. Ủy ban Nhân huyện Ea H'leo:**

- Trong thời gian qua, UBND huyện Ea H'leo đã đẩy mạnh cải cách hành chính, áp dụng nhiều cơ chế chính sách, giải pháp nhằm thu hút, kêu gọi đầu tư, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế hoạt động, góp phần tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Về công tác tuyên truyền: Thông qua các buổi hội nghị, các đợt kiểm tra,... UBND huyện đã trao đổi với đại diện Thường trực huyện uỷ, Thường trực HĐND huyện chỉ đạo các phòng ban hướng dẫn, tuyên truyền về việc cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh và cải cách hành chính công cho UBND các xã, thị trấn.

- Công tác tiếp dân được chú trọng, tất cả các phòng ban đều cử cán bộ tham gia tập huấn lớp tiếp công dân, cán bộ phụ trách được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, xoá bỏ tư tưởng quan cách, tạo quan hệ hoà nhã, tôn trọng trong quan hệ nhân dân.

- Công tác cấp Giấy phép kinh doanh ngày càng thuận lợi, rút ngắn thời gian giải quyết giấy chứng nhận ĐKKD cho hộ cá thể, hợp tác xã từ 05 ngày xuống còn 03 ngày hoặc những trường hợp khẩn cấp sẽ giải quyết trong ngày. Công tác cấp Giấy chứng nhận QSDĐ được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, giải quyết nhanh chóng đặc biệt là các hồ sơ còn tồn đọng.

- Về công tác phối hợp của các cơ quan liên quan: Các cơ quan trong khối tài chính gồm: phòng Tài chính Kế hoạch, Chi cục thuế, Kho bạc nhà nước huyện đã xây dựng quy chế phối hợp hoạt động, thống nhất trong công tác quản lý thu chi trên địa bàn huyện; tiến hành họp giao ban hàng tháng, hàng quý nhằm giải quyết những khó khăn, đề ra các phương pháp triển khai quản lý có hiệu quả.

## B. PHÂN TÍCH CHỈ SỐ PCI NĂM 2014

Năm 2014, chỉ số PCI tỉnh Đắk Lắk đạt 58,76 điểm, đứng thứ 30 cả nước, và đứng thứ 2 trong các tỉnh Tây Nguyên (58,79 điểm, thứ 29 toàn quốc). Đây là vị trí cao nhất của Đắk Lắk từ khi có chỉ số PCI. Phân tích chi tiết các chỉ số thành phần như sau:

### I. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 1 - CHI PHÍ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG (Thứ hạng: 45; điểm số: 8,10, chi tiết tại Biểu 1)

So với năm 2013, tỉnh Đắk Lắk tăng về điểm số nhưng giảm thứ hạng (năm 2013 là 7,38 điểm, đứng thứ 34). Trong các tỉnh Tây Nguyên, tỉnh Đắk Lắk đứng sau các tỉnh Kon Tum (8,49 điểm), Lâm Đồng (8,45 điểm) và Đắk Nông (8,39 điểm).

Trong 13 chỉ tiêu của chỉ số thành phần này, có **03 chỉ tiêu được đánh giá tốt là:** % DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động; % DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký kinh doanh thông qua bộ phận Một cửa; Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai. **Các chỉ tiêu chưa tốt là:** Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tốt (đứng thứ 61; % đồng ý: 19,30%); Không đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào (đứng thứ 61; % đồng ý: 15,79%); Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (đứng thứ 60; % đồng ý: 56,14%); Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (đứng thứ 51; % đồng ý: 33,33%).

#### Nhận xét:

Chỉ số thành phần 1 - Chi phí gia nhập thị trường của Đắk Lắk năm 2014 đứng thứ 45/63 tỉnh thành với điểm số 8,10 bị đánh giá tương đối thấp thông qua 13 chỉ tiêu.

Mặc dù việc triển khai các thủ tục hành chính thông qua bộ phận một cửa là phổ biến và các thủ tục tại bộ phận một cửa được niêm yết công khai, nhưng chất lượng cán bộ hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa còn kém (hướng dẫn không rõ ràng và đầy đủ, thiếu nhiệt tình và thân thiện, am hiểu về chuyên môn còn tương đối thấp), việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa được quan tâm đúng mức.

### II. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 2 - TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI VÀ SỰ ỔN ĐỊNH TRONG SỬ DỤNG ĐẤT (Thứ hạng: 13; điểm số: 6,33, chi tiết tại Biểu 2)

So với năm 2013, tỉnh Đắk Lắk giảm về điểm số nhưng tăng thứ hạng lên được 19 bậc (năm 2013 là 6,79 điểm, đứng thứ 32), đứng đầu trong các tỉnh Tây Nguyên.

Trong 8 chỉ tiêu của chỉ số thành phần này, có **03 chỉ tiêu được đánh giá tốt là:** DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh; Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng; % DN có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất hoặc DN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. **Các chỉ tiêu chưa tốt**

là: % DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (36,0% đồng ý, đứng thứ 45); % diện tích đất trong tỉnh có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (90,87%, đứng thứ 42).

**Nhận xét:**

Chỉ số thành phần *Chi phí tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất* của Đắk Lắk năm 2014 có thứ hạng cao, đứng thứ 13/63 tỉnh thành với 6,33 điểm.

Doanh nghiệp ngoài quốc doanh ít gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh. Khi bị thu hồi đất, thông thường Doanh nghiệp sẽ được bồi thường thỏa đáng; số lượng Doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được đánh giá khá nhưng doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua còn gặp nhiều khó khăn về thủ tục; % diện tích đất trong tỉnh có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có tăng trong những năm qua nhưng còn tương đối thấp so với các tỉnh thành trong cả nước.

**III. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3 - TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN** (Thứ hạng: 50; điểm số: 5,69, chi tiết tại Biểu 3)

So với năm 2013, tỉnh Đắk Lắk tăng nhẹ về điểm số nhưng giảm mạnh về thứ hạng xuống 18 bậc (năm 2013 là 5,56 điểm, đứng thứ 32), thấp nhất trong các tỉnh Tây Nguyên.

Trong 10 chỉ tiêu của chỉ số thành phần này, có **01 chỉ tiêu được đánh giá tốt** là: *Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phân biện chính sách, quy định của tỉnh* (đứng thứ 18; % quan trọng hoặc vô cùng quan trọng: 46,39%). Còn lại hầu hết các chỉ tiêu khác đều ở mức kém, đó là: *Tiếp cận tài liệu pháp lý* (đứng thứ 55; điểm số: 2,98%); *Tiếp cận tài liệu quy hoạch* (đứng thứ 55; điểm số: 2,12%); *% DN truy cập vào website của UBND* (đứng thứ 49; % đồng ý: 58,04%); *Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh* (đứng thứ 49; % đồng ý: 53,33%); *Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh* (đứng thứ 48; điểm số: 24,50); *Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi của tỉnh đối với quy định pháp luật của Trung ương* (đứng thứ 47; % luôn luôn hoặc thường xuyên: 6,54%); *Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh* (đứng thứ 47; % quan trọng hoặc rất quan trọng: 76,15%).

**Nhận xét:**

Chỉ số thành phần *Tính minh bạch và tiếp cận thông tin* của Đắk Lắk năm 2014 đứng thứ 50/63 tỉnh thành với điểm số 5,69 bị đánh giá thấp thông qua 10 chỉ tiêu.

Các chỉ tiêu thể hiện Doanh nghiệp còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu pháp lý, tài liệu quy hoạch và các tài liệu khác của tỉnh. Tình trạng cán bộ thuế thương lượng với doanh nghiệp trong các năm qua chưa được

cải thiện. Độ mở và chất lượng hoạt động trang web của tỉnh chưa cao, chưa thu hút được nhiều lượng truy cập doanh nghiệp.

#### **IV. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 4 - CHI PHÍ THỜI GIAN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC** (Thứ hạng: 42; điểm số: 6,20, chi tiết tại Biểu 4)

So với năm 2013, tỉnh Đắk Lắk tăng nhẹ về điểm số nhưng giảm thứ hạng xuống 9 bậc (năm 2013 là 6,17 điểm, đứng thứ 33). Trong các tỉnh Tây Nguyên, tỉnh Đắk Lắk đứng sau Đắk Nông (đứng thứ 37; điểm số: 6,41).

Trong 9 chỉ tiêu của chỉ số thành phần này, có **02 chỉ tiêu được đánh giá tốt** là: *Số cuộc thanh tra, kiểm tra trung vị (tất cả các cơ quan)* (đứng thứ 01; điểm số: 01); *Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế* (đứng thứ 24; số giờ trung vị: 5). **Các chỉ tiêu chưa tốt** là: *DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký* (đứng thứ 61; % đồng ý: 48,62); *Thủ tục giấy tờ đơn giản* (đứng thứ 58; % đồng ý: 37,61); *Cán bộ nhà nước thân thiện* (đứng thứ 54; % đồng ý: 46,79); *Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả* (đứng thứ 49; % đồng ý: 58,56).

##### **Nhận xét:**

Chỉ số thành phần *Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước* của Đắk Lắk năm 2014 đứng thứ 42/63 tỉnh thành với điểm số 6,20 bị đánh giá tương đối thấp thông qua 9 chỉ tiêu.

Số cuộc thanh tra, kiểm tra của tất cả các cơ quan được đánh giá rất tốt; số giờ làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế có cải thiện. Tuy nhiên, doanh nghiệp còn phải đi lại rất nhiều lần để lấy dấu và chữ ký; thủ tục giấy tờ còn rườm rà, phức tạp. Ngoài ra, nhìn chung cán bộ nhà nước còn thiếu thân thiện, giải quyết công việc hiệu quả chưa cao, như đã thể hiện ở chỉ số thành phần *Chi phí gia nhập thị trường*.

#### **V. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 5 - CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC** (Thứ hạng 44; điểm số: 4,61, chi tiết tại Biểu 5)

So với năm 2013, tỉnh Đắk Lắk giảm về điểm số nhưng tăng thứ hạng lên 10 bậc (năm 2013 là 5,24 điểm, đứng thứ 54). Trong các tỉnh Tây Nguyên, tỉnh Đắk Lắk đứng sau Lâm Đồng (Thứ hạng 33; điểm số: 5,15) và Đắk Nông (Thứ hạng 37; điểm số: 4,96).

Trong 5 chỉ tiêu của chỉ số thành phần này, có **02 chỉ tiêu được đánh giá khá tốt** là: *Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức* (Thứ hạng 22; % thường xuyên hoặc luôn luôn: 57,41); *% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức* (Thứ hạng 24; % DN: 8,57). **02 chỉ tiêu kém** là: *Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến* (Thứ hạng 62; % đồng ý: 76,19); *Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức* (Thứ hạng 45; % đồng ý: 69,23).

##### **Nhận xét:**



Chỉ số thành phần *Chi phí không chính thức* của Đắk Lắk năm 2014 đứng thứ 44/63 tỉnh thành với điểm số 4,61 bị đánh giá tương đối thấp thông qua 5 chỉ tiêu.

Thường xuyên xảy ra hiện tượng nhũng nhiễu, đòi hỏi khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức để công việc đạt được kết quả mong đợi, mặc dù chi phí này không lớn so với % doanh thu của Doanh nghiệp (tham nhũng “nhỏ”).

**VI. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 6 - CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG** (thứ hạng: 33; điểm số: 5,02, chi tiết tại Biểu 6)

So với năm 2013, tỉnh Đắk Lắk giảm mạnh cả về điểm số và thứ hạng (năm 2013 là 6,68 điểm, đứng thứ 12). Tuy ở vị trí trung bình so với cả nước, nhưng Đắk Lắk đứng ở vị trí cuối cùng so với các tỉnh Tây Nguyên (cao nhất là Lâm Đồng với 5,95 điểm, đứng thứ 12 toàn quốc).

Trong 14 chỉ tiêu của chỉ số thành phần này, có **04 chỉ tiêu được đánh giá tốt** là: *Tình ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho doanh nghiệp nước ngoài hơn là doanh nghiệp trong nước; Tình ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân; Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh; Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI. Các chỉ tiêu chưa tốt* là: *"Hợp đồng, đất đai, ... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh"* (thứ hạng 62; 86,14%); *Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân doanh nghiệp* (thứ hạng 46; 54,22%); *Việc tình ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của ban* (thứ hạng 42; đồng ý: 38,61%); *Thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước* (thứ hạng 42; đồng ý: 27,72%).

#### **Nhận xét:**

Chỉ số thành phần *Cạnh tranh bình đẳng* của Đắk Lắk năm 2014 đứng thứ 33/63 tỉnh thành với điểm số 5,02 được đánh giá ở mức trung bình thông qua 14 chỉ tiêu.

Theo đánh giá của các doanh nghiệp được hỏi ý kiến, tỉnh đã tạo được sự công bằng và bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI trong việc thu hút đầu tư, sự quan tâm hỗ trợ, giải quyết các vấn đề, các khó khăn, cũng như trong việc giải quyết các thủ tục hành chính... Tuy nhiên doanh nghiệp cho rằng chính quyền tỉnh còn ưu ái hơn cho các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có mối quan hệ thân cận với chính quyền trong việc bố trí đất đai và phân bổ các nguồn lực khác.

**VII. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 7 - TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ TIÊN PHONG CỦA LÃNH ĐẠO TỈNH** (thứ hạng: 61; điểm số: 3,18, chi tiết tại Biểu 7)

Chỉ số thành phần này của Đắk Lắk ở vị trí rất thấp, so với năm 2013 giảm mạnh cả về điểm số lẫn thứ hạng (năm 2013 là 4,82 điểm, đứng thứ 46) Trong các tỉnh Tây Nguyên, tỉnh Đắk Lắk đứng ở vị trí cuối cùng.

Trong 6 chỉ tiêu của chỉ số thành phần này, có **01 chỉ tiêu được đánh giá khá tốt** là: *Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành* (thứ hạng: 16; % đồng ý: 73,56). **Các chỉ tiêu chưa tốt** là: *Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân* (thứ hạng: 62; % Tích cực hoặc Rất tích cực: 21,62); *UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân* (thứ hạng: 60; % đồng ý: 53,49); *UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh* (thứ hạng: 59; % đồng ý: 37,35); *Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện* (thứ hạng: 51; % đồng ý: 64,29).

#### **Nhận xét:**

Chỉ số thành phần *Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh* của Đắk Lắk năm 2014 đứng thứ 61/63 tỉnh thành với điểm số 3,18 bị đánh giá ở mức rất thấp thông qua 6 chỉ tiêu.

Nguyên nhân chỉ số thành phần này bị đánh giá ở mức rất thấp chủ yếu do doanh nghiệp cảm nhận về thái độ không tích cực của các cấp chính quyền tỉnh (nói chung) đối với khu vực tư nhân; chưa linh hoạt, năng động và sáng tạo trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi; UBND tỉnh có những chủ trương tốt nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở ngành và ở cấp huyện.

#### **VIII. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 8 - DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP** (thứ hạng: 2; điểm số: 6,82, chi tiết tại Biểu 8)

So với năm 2013, tỉnh Đắk Lắk tăng mạnh cả về điểm số lẫn thứ hạng (năm 2013 là 5,66 điểm, đứng thứ 18), đứng đầu trong các tỉnh Tây Nguyên.

Trong 24 chỉ tiêu của chỉ số thành phần này, **các chỉ tiêu được đánh giá tốt** là: *Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay* (thứ hạng: 1; điểm số: 20); *Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường* (thứ hạng: 2; 63,46%); *Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh* (thứ hạng: 2; 69,05%); *Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại* (thứ hạng: 2; 42,86%); *Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính* (thứ hạng: 3; % DN: 54,76); *DN đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh* (thứ hạng: 4; % DN: 42,86). **Các chỉ tiêu chưa tốt** là: *Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính* (thứ hạng: 50; 52,38%); *Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại* (thứ hạng: 49; 39,29%); *Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật* (thứ hạng: 49; 39,39%).

#### **Nhận xét:**

Chỉ số thành phần 8 - Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của Đắk Lắk năm 2014 đứng thứ 02/63 tỉnh thành với điểm số 6,82 được đánh giá rất tốt thông qua 24 chỉ tiêu.

Chỉ số thành phần này thể hiện sự sẵn có của tỉnh đối với các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh như cung cấp các thông tin kinh doanh cho doanh nghiệp, tìm kiếm thông tin thị trường, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, xúc tiến thương mại, tư vấn về pháp luật, dịch vụ liên quan đến công nghệ, đào tạo về quản trị kinh doanh. Trong đó, doanh nghiệp thường sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân hơn cho các dịch vụ như tìm kiếm thông tin thị trường, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, dịch vụ xúc tiến thương mại, đào tạo về kế toán và tài chính, dịch vụ tư vấn về pháp luật. Tuy nhiên, cần cải thiện chất lượng các dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính, xúc tiến thương mại và dịch vụ liên quan đến công nghệ vì ý định tiếp tục sử dụng các dịch vụ này của doanh nghiệp bị suy giảm.

#### **IX. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 9 - CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG** (thứ hạng: 25; điểm số: 6,02, chi tiết tại Biểu 9)

So với năm 2013, tỉnh Đắk Lắk tăng cả về điểm số lẫn thứ hạng (năm 2013 là 5,35 điểm, đứng thứ 32), đứng đầu trong các tỉnh Tây Nguyên.

Trong 11 chỉ tiêu của chỉ số thành phần này, các chỉ tiêu được đánh giá tốt là: % tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động (thứ hạng: 10; 3,07%); % tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động (thứ hạng: 11; 4,26%); Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm (%) (thứ hạng: 15; 51,52%); Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (thứ hạng: 17; 32,35%). Các chỉ tiêu chưa tốt là: Dịch vụ dạy nghề do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp tốt hoặc rất tốt (vị trí: 53; 25,00%); Tỷ lệ người lao động tốt nghiệp trường đào tạo nghề/số lao động chưa qua đào tạo (vị trí: 49; 2,70%); % số lao động của doanh nghiệp đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề (vị trí: 45; 38,13%).

#### **Nhận xét:**

Chỉ số thành phần *Chất lượng đào tạo lao động* của Đắk Lắk năm 2014 đứng thứ 25/63 tỉnh thành với điểm số 6,02 được đánh giá ở mức khá thông qua 11 chỉ tiêu.

Điểm số các chỉ tiêu thể hiện dịch vụ giới thiệu việc làm của tỉnh khá phổ biến, doanh nghiệp không gặp nhiều khó khăn và tốn chi phí trong việc tuyển dụng lao động, tuy nhiên nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp không đòi hỏi nhiều lao động qua đào tạo và trong quá trình hoạt động cũng không có nhu cầu cao đối với đào tạo lao động. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng đánh giá chất lượng đào tạo nghề của các cơ sở công lập chưa cao.

#### **X. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 10 - THIẾT CHẾ PHÁP LÝ** (thứ hạng: 45; điểm số: 5,35, chi tiết tại Biểu 10)

So với năm 2013, tỉnh Đắk Lắk giảm cả về điểm số lẫn thứ hạng (năm 2013 là 5,68 điểm, đứng thứ 28). Trong các tỉnh Tây Nguyên, tỉnh Đắk Lắk đứng sau các tỉnh Gia Lai, Kon Tum và Đắk Nông.

Trong 12 chỉ tiêu của chỉ số thành phần này, **chỉ tiêu được đánh giá tốt** là: *Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp* (thứ hạng: 17; điểm số: 3,73). **Các chỉ tiêu chưa tốt** là: *Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật* (thứ hạng: 61; % đồng ý: 78,64); *Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ* (thứ hạng: 60; % thường xuyên hoặc luôn luôn: 20,87); *Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp* (thứ hạng: 53; 58,95%); *Phán quyết của tòa án là công bằng* (thứ hạng: 51; 74,00%); *Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng* (thứ hạng: 49; 54,64%); *Doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng* (thứ hạng: 49; 76,72%).

#### **Nhận xét:**

Chỉ số thành phần *Thiết chế pháp lý* của Đắk Lắk năm 2014 đứng thứ 45/63 tỉnh thành với điểm số 5,35 bị đánh giá ở mức tương đối thấp thông qua 12 tiêu chí.

Tuy số lượng doanh nghiệp đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án là cao, nhưng lòng tin của doanh nghiệp đối với hệ thống tư pháp của tỉnh còn thấp, chưa thực sự tin tưởng vào sự hỗ trợ của các cơ quan trợ giúp pháp lý, nhiều doanh nghiệp chưa tin tưởng Tòa án xét xử đúng pháp luật, công bằng và thi hành án hiệu quả.

### **C. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2015**

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2015, nhằm duy trì và phát huy những điểm mạnh, cải thiện những điểm còn hạn chế tại báo cáo đánh giá Chỉ số PCI tỉnh Đắk Lắk năm 2014, qua đó cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh của tỉnh, UBND tỉnh Đắk Lắk chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2015 sau:

#### **1. Văn phòng UBND tỉnh**

Tiếp tục triển khai tốt quy trình ISO trong xử lý văn bản, chủ động báo cáo và tham mưu UBND tỉnh xử lý kịp thời, đúng thời gian quy định đối với văn bản trình của các Sở, ngành, địa phương, tránh để tồn đọng văn bản liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và nhà đầu tư, nhất là những kiến nghị về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.

Phối hợp với các Sở, ngành triển khai đồng bộ cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tổ chức tốt các buổi Đối thoại doanh nghiệp định kỳ của UBND tỉnh vào tháng 6 và tháng 12.

- Nắm bắt tiến độ thực hiện và khó khăn, vướng mắc trong công tác chuẩn bị đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án chậm tiến độ, phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết vướng mắc cho nhà đầu tư, giúp các dự án sớm được triển khai.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định về trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (thay thế Quyết định số 48/2012/QĐ-UBND). Nghiên cứu đề xuất cơ chế rút ngắn thời gian lựa chọn nhà đầu tư để các dự án đầu tư sớm hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và triển khai đi vào hoạt động.

- Theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp báo cáo, tổ chức đề xuất các buổi họp định kỳ của UBND tỉnh về Chỉ số PCI.

- Chủ trì, phối hợp các ngành liên quan xây dựng và tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020 đạt hiệu quả.

- Kiểm tra, rà soát và phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo năng lực cạnh tranh tỉnh.

## **3. Sở Nội vụ**

- Tăng cường chỉ đạo điều hành cải cách hành chính theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 14/8/2013 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh và Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 11/3/2014 của UBND tỉnh về việc nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra và kiểm tra, tuyên truyền cải cách hành chính rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng với nhiều hình thức để các tổ chức và mọi người dân được biết, giám sát hoạt động bộ máy hành chính các cấp.

- Tiếp tục triển khai các lớp bồi dưỡng kỹ năng để cán bộ tại bộ phận một cửa toàn bộ các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tham dự.

- Chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo năng lực cạnh tranh tỉnh phù hợp với tình hình hiện nay.

## **4. Sở Tài chính**

Phối hợp với Cục Thuế tỉnh rà soát, cập nhật các văn bản về chính sách chế độ mới của Trung ương, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành

mới cũng như sửa đổi bổ sung kịp thời các Nghị quyết về phí và lệ phí ban hành trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn.

### **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Xây dựng và tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật, công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng hạ tầng thông tin đồng bộ, bảo đảm công tác an toàn, an ninh thông tin.

- Cải thiện hình thức và nội dung Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thực hiện tốt nhiệm vụ tổng hợp, tiếp nhận, đăng tải thông tin.

### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất và tổ chức thực hiện dự án tổng thể đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp giấy CNQSD đất, lập và hoàn thiện hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai so với quy định.

### **7. Cục Thuế tỉnh**

- Quản lý tốt cán bộ thuế, nghiêm cấm tình trạng cán bộ thuế thương lượng, “giúp” doanh nghiệp né thuế, lách thuế. Trường hợp phát hiện được phải xử lý nghiêm minh để răn đe.

- Rút ngắn thời gian làm việc của cán bộ thuế với doanh nghiệp, từ năm 2015 đưa chỉ tiêu *Số giờ làm việc trung vị với thanh tra thuế* xuống dưới 4 giờ.

### **8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

- Nâng cao hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm, khai thác hiệu quả hơn nữa về Sàn giao dịch việc làm nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động;

- Cung cấp, phổ biến thông tin thị trường lao động cho các doanh nghiệp và người lao động để hỗ trợ tuyển dụng và tìm kiếm việc làm;

- Nâng cao chất lượng lao động thông qua phát triển giáo dục đào tạo và dạy nghề. Phổ biến các quy định, chính sách về hỗ trợ đào tạo cho người lao động;

- Triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo lao động cho doanh nghiệp. Ưu đãi đối với các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động là người tàn tật.

### **9. Đối với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện:**

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính theo tinh thần Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Rà soát các nguyên nhân để qua đó tìm giải pháp khắc phục các chỉ số chưa đạt trong năm 2014; chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền về việc cải thiện Chỉ số PCI và cải cách hành chính công theo lĩnh vực và địa bàn phụ trách, đặc biệt là UBND cấp huyện để các chỉ số trong năm 2015 đạt kết quả khả quan hơn.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ phục vụ tại bộ phận một cửa, bố trí cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất, đạo đức, tinh thần phục vụ nhân dân làm công tác hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của các tổ chức và cá nhân. 100% cơ quan, đơn vị triển khai đặt hòm thư góp ý tại bộ phận một cửa, khuyến khích doanh nghiệp và người dân làm thủ tục có ý kiến đóng góp giúp nâng cao chất lượng phục vụ.

Nghiêm túc triển khai thực hiện theo sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, chủ động và sáng tạo vận dụng những quy định có lợi nhất cho cộng đồng doanh nghiệp.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công vụ của các cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị, chấn chỉnh tình trạng gây khó khăn những nhiều.

Tăng cường và đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và các Chương trình, Quyết định của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về cải cách hành chính nhà nước;

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ các giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh không cần thiết;

Nghiêm túc thực hiện việc cung cấp thông tin lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh một cách công khai, minh bạch thông qua Ban biên tập Cổng thông tin điện tử (Sở Thông tin Truyền thông là cơ quan thường trực), đặc biệt là các văn bản pháp lý theo lĩnh vực phụ trách, các quy hoạch, kế hoạch, văn bản chỉ đạo điều hành... Xây dựng và duy trì trang web của cơ quan, đơn vị, đảm bảo đến cuối năm 2015, 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trang web được cập nhật thường xuyên.

Các Sở, ngành trong quá trình tham mưu xây dựng các chủ trương, chính sách cho Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân và UBND tỉnh cần phải lấy ý kiến đóng góp của các đối tượng ảnh hưởng theo quy định, đồng thời phải lấy ý kiến của các hội, hiệp hội có liên quan để chính sách được xây dựng phù hợp với thực tiễn, thể hiện vai trò đại diện cho các nhóm đối tượng có liên quan tới chủ trương, chính sách sẽ ban hành.

## **10. Tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc quán triệt Báo cáo này đến tất cả các cán bộ, công chức,

người lao động trong cơ quan, đơn vị. Đồng thời chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể đã giao của đơn vị mình.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả cho UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả và đánh giá thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Đắk Lắk năm 2014 và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2015. UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Lưu: VT, TH. (y-go b) *lkr*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hiếu**







Chỉ số thành phần 3: TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN

Đo lường khả năng tiếp cận các kế hoạch của tình và các văn bản pháp lý cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, liệu doanh nghiệp có thể tiếp cận một cách công bằng các văn bản này, các chính sách và quy định mới có được tham khảo ý kiến của doanh nghiệp và khả năng tiến liệu trong việc triển khai thực hiện các chính sách quy định đó và mức độ tiên dụng của trang web tình đối với doanh nghiệp.

Tỉnh	Chỉ số thành phần 3	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	Cần có "mỗi quan hệ" để có được các tài liệu của tình (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	Thông lượng với cán bộ thuê là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Khả năng có các dự đoán được trong thực thi của quy định pháp luật của Trung ương (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phân bổ chính sách, quy định của tình (% quan trọng hoặc vô cùng quan trọng)	Điểm số về trang web của tình	% DN truy cập vào website của UBND	Các tài liệu về ngân sách du lịch công bố ngay sau khi có quan, nhân có thẩm quyền phê duyệt (% Đồng ý)	Các tài liệu về kinh doanh hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)
Đắk Lắk	5.69	2.12	2.98	76.15%	53.33%	6.54%	24.50	58.04%	81.25%	73.33%	
Trung vi	5.98	2.25	3.10	73.21%	49.25%	8.27%	29.00	64.18%	80.65%	71.43%	
Thấp nhất	5.08	1.90	2.86	63.51%	32.38%	1.92%	15.00	47.47%	53.33%	48.39%	
Cao nhất	7.14	2.51	3.31	88.31%	64.29%	18.07%	44.00	78.23%	94.12%	95.45%	
vi trí	50	54	55	47	49	47	18	48	49	30	29
Năm 2012	5,95 - (26)	2,65 - (10)	3,09 - (12)	62,71 - (33)	47,11 - (47)	11,11 - (7)	29,63 - (37)	14 - (27)			
Năm 2013	6,43 - (50)	2,35 - (54)	3,16 - (55)	74,14 - (47)	51,18 - (49)	6,67 - (47)	36,36 - (18)	32,50 - (48)			
Đa nang	6.43	2.35	3.16	74.14%	51.18%	6.67%	32.50	78.23%	87.10%	64.52%	
TT-Hue	5.42	2.45	3.29	78.00%	52.43%	7.69%	20.50	61.86%	75.00%	70.00%	
Kien Giang	7.14	2.48	3.31	65.22%	44.29%	15.38%	33.00	71.43%	76.19%	66.67%	
Đắk Nông	5.65	2.25	3.03	75.89%	34.58%	1.92%	27.50	58.18%	80.00%	95.45%	
Gia Lai	5.23	2.29	3.03	68.83%	48.10%	4.00%	17.00	60.76%	87.50%	69.57%	
Kon Tum	5.85	2.19	2.98	72.41%	42.61%	5.56%	28.00	54.31%	81.82%	75.00%	
Lâm Đồng	5.44	2.35	3.19	67.90%	35.62%	12.00%	15.00	64.20%	72.22%	73.68%	



**BIỂU 5**

**Chỉ số thành phần 5: CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC**

Đo lường các khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc trả những khoản chi phí không chính thức có đem lại kết quả hay “dịch vụ” như mong đợi và liệu các cán bộ Nhà nước có sử dụng các quy định của địa phương để trục lợi hay không.

Tỉnh	Chỉ số thành phần 5	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	Công việc đạt được kết quả, mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)
<b>Đắk Lắk</b>	<b>4.61</b>	<b>69.23%</b>	<b>8.57%</b>	<b>76.19%</b>	<b>57.41%</b>	<b>76.36%</b>
Trung vị	5.16	64.56%	10.34%	65.56%	61.33%	77.59%
Thấp nhất	2.81	44.44%	1.52%	35.94%	40.32%	61.22%
Cao nhất	7.02	80.81%	27.91%	78.32%	84.06%	92.77%
<b>vi trí</b>	<b>44</b>	<b>45</b>	<b>24</b>	<b>62</b>	<b>22</b>	<b>37</b>
<b>Năm 2012</b>	<b>6,29 - (34)</b>	<b>62,39 -(50)</b>	<b>9,57 -(43)</b>	<b>45,28 -(37)</b>	<b>65,74 -(46)</b>	
<b>Năm 2013</b>	<b>5,24 - (54)</b>	<b>59,20-(44)</b>	<b>11,11-(50)</b>	<b>50,96-(49)</b>	<b>60,42-(21)</b>	
Da nang	5.15	64.66%	13.04%	67.72%	62.07%	81.95%
TT-Hue	3.95	73.83%	18.45%	73.58%	63.44%	71.15%
Kien Giang	5.20	78.21%	6.25%	67.57%	73.91%	76.71%
Đắk Nông	5.15	62.93%	16.19%	55.75%	61.17%	77.59%
Gia Lai	5.01	67.82%	12.33%	74.36%	67.57%	81.01%
Kon Tum	5.54	57.72%	5.31%	68.14%	65.77%	75.86%
Lâm Đồng	4.54	65.88%	18.42%	67.95%	84.06%	63.89%

BIỂU 6

Chỉ số thành phần 6: CẢNH TRANH BÌNH DẰNG

Đo lường về tình hình môi trường kinh doanh thực tế tại Việt Nam về những ưu đãi của chính quyền đối với doanh nghiệp nhà nước trong các lĩnh vực tiếp cận đại, tín dụng và mua sắm công... so với khu vực tư nhân

Chỉ số thành phần 6	Tỉnh	Đak Lak	5.02	38.61%	27.72%	24.75%	14.85%	19.80%	21.78%	29.63%	31.87%	23.40%	19.15%	17.02%	21.28%	86.14%	54.22%
Việc tính ưu ái cho các công ty, công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của ban" (% Đông y hoặc toàn đồng y)			5.02	38.61%	27.72%	24.75%	14.85%	19.80%	21.78%	29.63%	31.87%	23.40%	19.15%	17.02%	21.28%	86.14%	54.22%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			5.02	35.00%	25.77%	25.51%	17.00%	19.30%	23.86%	42.59%	42.86%	28.30%	23.01%	20.91%	28.30%	76.47%	52.00%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			5.02	21.69%	14.04%	17.31%	5.26%	6.67%	14.52%	23.61%	21.57%	9.09%	8.62%	8.62%	39.33%	61.64%	31.48%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			5.02	36.08%	42.86%	30.93%	33.33%	33.33%	41.67%	59.75%	55.41%	44.34%	35.96%	36.36%	39.33%	88.89%	61.40%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			33	42	42	27	26	37	23	5	9	18	23	15	13	62	46
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			Năm 2012														
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			Năm 2013														
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			Da nang	33.01%	25.23%	26.17%	12.15%	13.08%	17.76%	37.50%	37.04%	26.55%	17.70%	9.73%	22.12%	81.08%	41.05%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			TT-Hue	34.94%	19.05%	20.24%	13.10%	10.71%	19.05%	38.89%	29.27%	15.85%	13.41%	13.41%	17.07%	78.82%	60.00%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			Kien Giang	24.49%	17.31%	17.31%	17.31%	15.38%	19.23%	26.83%	21.57%	9.09%	14.55%	9.09%	10.91%	64.15%	43.18%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			Đak Nông	32.22%	27.47%	25.27%	20.88%	21.98%	28.57%	39.74%	45.65%	37.89%	31.58%	31.58%	35.79%	78.65%	38.46%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			Gia Lai	38.10%	34.38%	26.56%	25.00%	21.88%	26.56%	33.33%	24.14%	18.97%	8.62%	8.62%	8.62%	79.66%	61.40%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			Kon Tum	27.55%	24.00%	28.00%	19.00%	19.00%	22.00%	51.69%	50.00%	44.34%	33.96%	31.13%	33.96%	76.70%	57.95%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc biệt trong tiếp cận các khoản tín dụng và cho vay ưu đãi			Lâm Đồng	36.11%	26.03%	19.18%	21.92%	19.18%	20.55%	41.51%	47.83%	28.17%	23.94%	25.35%	33.80%	79.17%	43.86%

**BIỂU 7**

**Chỉ số thành phần 7: TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ TIÊN PHONG CỦA LÃNH ĐẠO TỈNH**

Đo lường tính sáng tạo, sáng suốt của cán bộ công chức nói chung trong quá trình thực thi chính sách Trung ương cũng như trong việc đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đồng thời đánh giá khả năng hỗ trợ và áp dụng những chính sách đôi khi chưa rõ ràng của Trung ương theo hướng có lợi cho doanh nghiệp.

Tỉnh	Chỉ số thành phần 7	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực)	Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “tri hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% lựa chọn)
<b>Đắk Lắk</b>	<b>3.18</b>	<b>53.49%</b>	<b>37.35%</b>	<b>21.62%</b>	<b>73.56%</b>	<b>64.29%</b>	<b>43.02%</b>
Trung vị	4.56	67.57%	53.13%	38.95%	76.92%	57.69%	38.54%
Thấp nhất	3.08	46.84%	35.53%	20.99%	60.94%	41.27%	23.33%
Cao nhất	6.62	90.91%	76.58%	65.17%	91.55%	72.73%	53.19%
<b>vị trí</b>	<b>61</b>	<b>60</b>	<b>59</b>	<b>62</b>	<b>16</b>	<b>51</b>	<b>46</b>
<b>Năm 2012</b>	<b>3,59-(53)</b>		<b>32,58-(58)</b>	<b>40,87-(37)</b>			
<b>Năm 2013</b>	<b>4,82-(46)</b>		<b>49,41-(36)</b>	<b>40,83-(39)</b>			
Da nang	3.96	60.19%	42.42%	37.01%	37.01%	37.01%	37.01%
TT-Hue	4.14	60.26%	44.16%	27.08%	27.08%	27.08%	27.08%
Kien Giang	5.51	85.71%	72.09%	42.25%	42.25%	42.25%	42.25%
Đắk Nông	3.90	60.49%	48.72%	37.27%	37.27%	37.27%	37.27%
Gia Lai	3.79	55.74%	45.00%	35.90%	35.90%	35.90%	35.90%
Kon Tum	4.29	71.58%	64.84%	38.52%	38.52%	38.52%	38.52%
Lâm Đồng	4.59	60.00%	47.37%	36.14%	36.14%	36.14%	36.14%







**BIỂU 9**

**Chỉ số thành phần 9: CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG**

Đo lường các nỗ lực của lãnh đạo tỉnh để thực đẩy đào tạo nghề và phát triển kỹ năng nhằm hỗ trợ cho các ngành công nghiệp tại địa phương và giúp người lao động tìm kiếm việc làm.

Tỉnh	Chỉ số thành phần 9	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	Dịch vụ do Nhà nước tài trợ tại địa phương cung cấp: Ngày nghề (hoặc Rất tốt)	DN đa tầng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động	% tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động	Mức độ hài lòng với lao động tốt nghiệp (Tỉ lệ người lao động tốt nghiệp trung cấp nghề/số lao động chưa qua đào tạo (%)(BLTBXHXH))	Tỉ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp nghề/số lao động trên tổng lực lượng lao động (%)(BLTBXHXH)	% số lao động của DN đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề	
Đắk Lắk	6.02	55.96%	25.00%	32.35%	51.52%	48.48%	4.26	3.07	92.86%	2.70%	7.88%	38.13
Trung vi	5.75	56.99%	33.08%	27.94%	40.00%	50.00%	5.56	4.32	93.59%	4.56%	7.61%	42.49
Tháp nhất	4.10	32.88%	16.30%	13.11%	5.56%	13.33%	3.38	1.25	77.46%	0.63%	2.14%	23.19
Cao nhất	7.53	73.14%	57.47%	47.78%	84.21%	66.67%	8.09	9.00	100.00%	12.00%	12.86%	55.06
Việt	25	35	53	17	15	35	11	10	36	49	28	45
Năm 2012	5,07-(27)	58,65-(27)	48,11-(22)	34,31-(30)	31,03-(5)	31,03-(5)	2,7-(10)	3,85-(34)	91,21-(46)	2,45-(43)		
Năm 2013	5,35-(32)	66,67-(9)	51,46-(16)	19,19-(53)	52,63-(20)	47,37-(17)	2,23-(16)	3,21-(50)	97,27-(13)	3,57-(38)		
Đa nang	5.86	54.14%	31.34%	39.52%	24.49%	53.06%	5.11	3.92	90.63%	5.12%	7.10%	44.62
TT-Hue	6.24	54.17%	30.69%	24.14%	61.90%	38.10%	4.41	1.25	89.90%	3.86%	9.07%	49.94
Kien Giang	6.63	61.64%	36.62%	33.87%	52.38%	57.14%	4.03	2.80	94.29%	5.50%	8.14%	44.49
Đak Nông	5.57	53.10%	35.09%	13.27%	46.15%	53.85%	6.68	4.19	95.41%	4.56%	8.79%	42.49
Gia Lai	5.44	41.77%	30.49%	17.46%	54.55%	36.36%	3.55	3.97	89.47%	3.46%	7.63%	46.70
Kon Tum	7.32	60.83%	36.89%	22.58%	52.38%	60.00%	4.91	4.07	95.87%	10.82%	11.21%	55.06
Lâm Đồng	6.35	46.75%	22.08%	14.71%	40.00%	40.00%	3.38	1.98	94.05%	5.59%	12.86%	41.00

**BIỂU 10**

**Chỉ số thành phần 10: THIẾT CHẾ PHÁP LÝ**

Đo lường lòng tin của doanh nghiệp tư nhân đối với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh, liệu các thiết chế pháp lý này có được doanh nghiệp xem là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc là nơi doanh nghiệp có thể khiếu nại các hành vi những nhiễu của cán bộ công quyền tại địa phương.

Tỉnh	Chỉ số thành phần 10	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	Doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (Tòa án Tối cao)	Tỉ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% đồng ý)	Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	Phán quyết của toà án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (% có)	Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm(TATC) (Chi tiêu mới 2014)
<b>Đắk Lắk</b>	5.35	20.87%	76.72%	3.73	89.47%	78.64%	53.54%	54.64%	58.95%	70.10%	74.00%	47.32%	78.49%
Trung vị	5.68	31.58%	80.95%	1.52	85.71%	85.98%	56.00%	59.78%	65.28%	71.03%	80.00%	50.48%	80.73%
Thấp nhất	4.10	15.53%	71.58%	0.00	0.00%	72.68%	42.03%	43.06%	53.13%	57.35%	66.14%	36.05%	44.44%
Cao nhất	7.91	53.41%	88.64%	14.24	100.00%	94.74%	67.80%	73.13%	79.59%	83.33%	92.86%	63.10%	100.00%
<b>vị trí</b>	<b>45</b>	<b>60</b>	<b>49</b>	<b>17</b>	<b>30</b>	<b>61</b>	<b>43</b>	<b>49</b>	<b>53</b>	<b>38</b>	<b>51</b>	<b>46</b>	<b>36</b>
<b>Năm 2012</b>	3,26-(39)	28,80-(17)	72,00-(13)	3,17-(18)	35,84-(58)							50,00-(1)	
<b>Năm 2013</b>	5,68-(28)	38,04-(20)	85,71-(23)	2,99-(26)	72,81-(45)							63,71-(20)	
Da nang	5.32	21.19%	75.63%	2.09	94.64%	81.65%	48.60%	54.29%	58.42%	70.41%	72.28%	47.93%	84.48%
TT-Hue	4.86	18.89%	73.33%	0.54	80.00%	85.71%	54.76%	58.02%	63.75%	69.62%	75.90%	46.24%	58.33%
Kien Giang	6.80	39.13%	87.14%	0.61	77.78%	93.22%	67.80%	71.70%	79.25%	83.33%	80.00%	61.29%	92.86%
Đắk Nông	5.31	34.62%	74.77%	2.22	50.50%	83.87%	57.78%	61.80%	62.50%	66.67%	76.67%	50.48%	87.25%
Gia Lai	5.48	29.33%	83.33%	0.87	77.78%	83.08%	56.25%	65.08%	62.71%	63.16%	81.97%	56.00%	66.67%
Kon Tum	6.96	36.07%	79.20%	13.31	99.20%	85.98%	59.62%	59.00%	72.00%	72.45%	85.15%	52.07%	61.46%
Lâm Đồng	6.57	32.47%	85.19%	1.42	100.00%	90.28%	67.14%	73.13%	75.00%	70.00%	83.08%	53.33%	85.71%